**PHỤ LỤC 2**

MẪU HỒ SƠ QUẢN LÝ SỨC KHỎE VÀ BỆNH TẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------------**

**HỒ SƠ QUẢN LÝ  
SỨC KHỎE VÀ BỆNH TẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**(Năm {{year}})**

Tên cơ sở lao động: Phòng thử nghiệm Vật lý - Bộ phận Kĩ thuật luyện kim - Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh

Ngành chủ quản: Nghiên cứu phát triển quy trình sản xuất và sản phẩm, thử nghiệm kim tương và vật lý của sản phẩm, kiểm nghiệm không phá hủy và hiệu chuẩn các thiết bị liên quan.

Địa chỉ: KKT Vũng Áng, Phường Kỳ Long, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239-3722-112 Số Fax: 0239-3722-112

E-mail: [nguyenbichthao261292@gmail.com](mailto:nguyenbichthao261292@gmail.com) Website: https://www.fhs.com.vn

Người liên hệ: Nguyễn Thị Bích Thảo

Năm : {{year}}

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trưởng xưởng/ phòng | Chủ quản | Người thực hiện |

**Biểu mẫu 1: QUẢN LÝ SỨC KHỎE TRƯỚC KHI BỐ TRÍ VIỆC LÀM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày,tháng,năm | Số được khám tuyển | Tổng cộng | Phân loại sức khỏe | | | | |
| I | II | II | IV | V |
| {{dt1.datetime}} | Nam: {{dt1.male}}  Nữ: {{dt1.female}} | {{dt1.total}} | {{dt1.h1}} | {{dt1.h2}} | {{dt1.h3}} | {{dt1.h4}} | {{dt1.h5}} |

**Biểu mẫu 2: QUẢN LÝ SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG THÔNG QUA KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng, năm | Sổ khám sức khỏe định kỳ | Tổng cộng | Phân loại sức khỏe | | | | |
| I | II | III | IV | V |
| {{dt2.datetime}}  {{dt2.checkname}} | Nam: {{dt2.male}}  Nữ: {{dt2.female}} | {{dt2.total}} | {{dt2.h1}} | {{dt2.h2}} | {{dt2.h3}} | {{dt2.h4}} | {{dt2.h5}} |

**Biểu mẫu 3: TÌNH HÌNH BỆNH TẬT TRONG THỜI GIAN BÁO CÁO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nhóm bệnh | Quý I | | Quý II | | Quý III | | Quý IV | |
| I. Số trường hợp mắc các loại bệnh thông thường: | | | | | | | | | |
| {{dt31.no}} | {{dt31.name}} | {{dt31.q1}} | | {{dt31.q2}} | | {{dt31.q3}} | | {{dt31.q4}} | |
|  | Cộng | {{t1q1}} | | {{t1q2}} | | {{t1q3}} | | {{t1q4}} | |
| II. Số trường hợp mắc các loại bệnh nghề nghiệp | | | | | | | | | |
| {{dt32.no}} | {{dt32.name}} | {{dt32.q1}} | | {{dt32.q2}} | | {{dt32.q3}} | | {{dt32.q4}} | |
|  | Cộng | {{t2q1}} | | {{t2q2}} | | {{t2q3}} | | {{t2q4}} | |
| III | Các trường hợp tai nạn lao động | Mắc | Chết | Mắc | Chết | Mắc | Chết | Mắc | Chết |
|  | Tai nạn lao động | - | - | - | - |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng | - | - | - | - |  |  |  |  |

**Biểu mẫu 5: QUẢN LÝ BỆNH MÃN TÍNH (\*)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phân xưởng, khu vực | Tên bệnh nhân | Tên bệnh | Tuổi, giới | | Tuổi nghề | Phương pháp  điều trị | Tình trạng | Lưu ý khi bố trí công việc |
| Nam | Nữ |
| {{dt5.dept}} | {{dt5.name}} | {{dt5.disease}} | {{dt5.male}} | {{dt5.female}} | {{dt5.jobage}} |  |  |  |
| *(\*) Khi cơ sở lao động có nhiều người lao động thì quản lý từng bệnh mãn tính theo quy định Biểu mẫu 6* | | | | | | | | |

**Biểu mẫu 7:THEO DÕI BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng năm  (\*) | Tên bệnh | Số khám | | Số được chẩn đoán | | Số được giám định | | Kết quả giám định | | | | | |
| Tổng số | Trong đó nữ | Tổng số | Trong đó số nữ | Tổng số | Trong đó sốnữ | <5% | | 5 - <31% | | >=31% | |
| TS | Nữ | TS | Nữ | TS | Nữ |
| {{dt7.date}} | {{dt7.disease}} | {{dt7.total}} | {{dt7.female}} |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | **{{dt7ttotal}}** | **{{dt7tfemale}}** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |